

PHỤ LỤC VIII

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV CÀ PHÊ IA CHÂM
MST 5900190514

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

1. Hội đồng quản trị doanh nghiệp: Công ty có 04 người, cụ thể như sau:

BIỂU SỐ 1

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chức danh | | Phân loại thành viên | Trình độ chuyên môn | Kinh nghiệm m ngành nghiệp P | Các vị trí quản lý đã nắm giữ | Công việc quản lý được giao |
|----|-----------------|----------|-------------------------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|------------------------------|-------------------------------|---|
| | | | Chức danh tại doanh nghiệp | Chức danh tại công ty khác (nếu có) | | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn Bình | 1973 | Chủ tịch HĐQT – Kiểm Giám đốc | | | Đại học | Lâu năm | Giám đốc | Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc quy định tại Điều lệ Vinacafe. |
| 2 | Nguyễn Văn Mạnh | 1959 | Phó Giám đốc | | | Trung cấp | Lâu năm | Đội trưởng | Thực hiện các nhiệm vụ quản lý đầu đai, sản xuất nông nghiệp và một số lĩnh vực được ủy quyền bằng văn bản. |
| 3 | Lê Anh Tuấn | 1978 | Kế toán trưởng | | | Đại học | Lâu năm | Kế toán tổng hợp | Phụ trách tài chính của công ty |

2. Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên:

Danh sách thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chức danh | | Phân loại thành viên | Trình độ chuyên môn | Kinh nghiệm m ngành nghiệp P | Các vị trí quản lý đã nắm giữ | Công việc quản lý được giao |
|----|--------------|----------|----------------------------|-------------------------------------|----------------------|---------------------|------------------------------|-------------------------------|--|
| | | | Chức danh tại doanh nghiệp | Chức danh tại công ty khác (nếu có) | | | | | |
| 1 | Lưu Tuấn Anh | 1963 | Kiểm soát viên công ty | | | Trung cấp | Lâu năm | Đội trưởng | Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên. Kiểm quản lý sản xuất tại đội 4 và công tác công đoàn. |

3. Thù lao và lợi ích của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

- Tiền lương, thù lao, tiền thưởng: Được hưởng chế độ tiền lương, thưởng theo năm. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với kết quả, hiệu quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động quản lý. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng thực hiện theo Quy định hiện hành.

- Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Giám đốc: Được hưởng chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định. Mức tiền lương, thù lao và tiền thưởng tương ứng với hiệu quả kinh doanh của Công ty theo quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

- Tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Kiểm soát viên: Được hưởng tiền lương, thù lao và lợi ích khác theo kết quả hoạt động kiểm soát, kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Đại diện Chủ sở hữu quyết định mức và chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| TT | Họ và tên | Chức vụ | Số tiền | | Tổng cộng | Bình quân |
|------------------|-----------------|---------------------------------|------------|-------------|-----------|-----------|
| | | | Tiền lương | Tiền thưởng | | |
| 1 | Nguyễn Văn Mạnh | Nguyên CT - kiêm Giám đốc | 8,9 | | 8,9 | 8,9 |
| 2 | Nguyễn Văn Bình | CT - Kiểm Giám đốc | 94 | | 94 | 7,8 |
| 3 | Nguyễn Văn Mạnh | Phó Giám đốc | 87 | | 87 | 7,3 |
| 4 | Lưu Tuấn Anh | Kiểm soát viên | 79 | | 79 | 6,6 |
| 5 | Lê Kim Hùng | Nguyên Kế toán trưởng | 24,9 | | 24,9 | 6,2 |
| TỔNG CỘNG | | | | | | |

II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

BIỂU SỐ 2

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

| TT | Số văn bản | Ngày | Nội dung (nếu tóm tắt nội dung chính của văn bản) |
|----|------------|------|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |

III. Hoạt động của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty:

BIỂU SỐ 3

THÔNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

(Chỉ thống kê các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

| TT | Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Số buổi họp không tham dự | Lý do không tham dự | Tỷ lệ |
|----|--|---------|---------------------|---------------------------|---------------------|-------|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

BIỂU SỐ 4

THÔNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY

(Chỉ nêu tóm tắt các cuộc họp quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

| TT | Số văn bản | Ngày | Nội dung |
|----|------------|------|----------|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN CỦA DOANH



